

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		HST+AMD	7:25	4+15	0+0		3+16	0+0		puma	
2		P1+P9+P10	7:25	21+1+0	0+0		19+1+2	0+0			
3		TD3+P4	7:25	14+8	0+0		12+10	0+0			
4		P7+AMD	7:25	12+10	0+0		2+20	0+0			
5		TD3+P5	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0		chuyen 1 TD3- P5	
6		P4+P7+P8	9:25	13+9+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0		chuyen 2 p4- p8	
7		P1+TD2+P4	9:25	7+10+4	0+0+0		4+6+12	0+0+0			

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG - 1	TO: HST - AMD	CREW: NKHÁNH - VLINH	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1685	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN NGỌC THỦ	HST	10	1	3	4	77	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	13	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN PHẠNG	HST	12	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TRUNG HIỆU	HST	11	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG PHÚ VINH	AMD	25-26	2	11			64	ABS	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	33	1	6	2	13	55	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN AN	AMD	29-30	2	9			65	HLJOC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	97	1	6			61	TLJOC	Vietnamese
9	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	34	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯƠNG THẾ HIỆN	AMD	31	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN TẤN TRI	AMD	90	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	AMD	96	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ANH NGŨ	AMD	74	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ BA THANH	AMD	32	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	27-28	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU HỮU CHÍNH	AMD	99	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	800	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	73	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	4	277	4	24	4	77	3		
2	AMD	14	902	17	116	2	13	16		
TOTAL		18	1.179	21	140	6	90	19		
WEIGHT KG			1.179		140		90			

GRAND TOAL: 1.409 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỆU THU

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P1 - P9 - P10	CREW: DUONG - N.ANH - MQUAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1676	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG QUOC VAN	P1	40-41	2	15			58	SGC	Vietnamese
2	PHAM DINH QUYEN	P1	42	1	3			80	SGC	Vietnamese
3	LE HUY TAM	P1	39	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN XUAN LANH	P1	48	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
5	DINH VAN THANG	P1	34	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DANG QUANG	P1	46	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	DONG VAN THINH	P1	53	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC HAI	P1	45	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG HOANG HIEU	P1	43	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HOAN	P1	88-89	2	22			78	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN THIEU BINH	P1	55-56	2	17			56	DVL	Vietnamese
12	HOANG VAN LINH	P1	44	1	3			64	YTE	Vietnamese
13	VI KHAC THANH	P1	49	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE QUANG TIEN	P1	38	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM MANH HUNG	P1	57	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese
16	K LING	P1	35-36	2	19			68	KH-THAC	Vietnamese
17	HO HUU CHUNG	P1	37	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG DUY KHUONG	P1	47	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG NGUYEN LONG NHAN	P1	50	1	6			120	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG DUC TOANH	P1	54	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
21	DO TRUONG DIEN	P1	51-52	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN QUANG	P9	31	1	3			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	21	1.484	26	168	0	0	20		
2	P9	1	68	1	3	0	0	1		
3	P10	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.552	27	171	0	0	22		
WEIGHT KG			1.552		171		0			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3 - P4	CREW: XHOÀN - SON - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1678	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HẢI NAM	TD3	55	1	6			59	SGC	Vietnamese
2	ĐỖ XUÂN CÔNG	TD3	56-57	2	18			50	SGC	Vietnamese
3	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	TD3	50	1	3	2	30	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRÍ CHUNG	TD3	59	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
5	TATARINOV S.M	TD3	62	1	5			85	ANTOAN	Russian
6	ĐÌNH SONG HẠI	TD3	52	1	10			61	YTE	Vietnamese
7	ANKUR PANDEY	TD3	53-54	2	16			72	SCHLUMBE	Indian
8	NGUYEN NGOC LUONG	TD3	63	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM TUAN KHAI	TD3	65-66	2	13			61	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUYỀN	TD3	61	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC VINH	TD3	51	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NAM HAI	TD3	64	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TAM THUY	TD3	60	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO HỮU PHƯỚC	TD3	58	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
15	MARZIEV M. M	P4	59-60	2	11			87	KH-THAC	Russian
16	PODYMOV D.I.	P4	57-58	2	17			144	KH-THAC	Russian
17	TRỊNH VIỆT THẮNG	P4	53	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGOC TRUONG	P4	52	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P4	50	1	13			94	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	54	1	7	1	17	69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	56	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese
22	LAM VĂN PHÚC	P4	51	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	14	957	17	105	2	30	12		
2	P4	8	674	10	74	1	17	10		
TOTAL		22	1.631	27	179	3	47	22		
WEIGHT KG			1.631		179		47			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P7 - AMD	CREW: QVIỆT - XTRƯỜNG - DTÙNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1680	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI THE DIEN	P7	15	1	4	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LAM	P7	12	1	12			93	ANTOAN	Vietnamese
3	LE HOAI THANH	P7	19	1	5			59	YTE	Vietnamese
4	LE VAN HIEU	P7	17-18	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG VAN THANH	P7	11	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH TRONG	P7						71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH DUC	P7	13	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI CONG LAN	P7						63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN MINH	P7	14	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH VAN PHUONG	P7						78	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM DANG GIANG	P7	16	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU NGUYEN QUOC HUY	P7						102	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THE LONG	AMD	44	1	5	4	60	73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TUONG	AMD	43	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO QUANG HUAN	AMD	50	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VIET DUC	AMD	45-46	2	11			80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG VIET	AMD	51	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH VAN TIEN	AMD	38	1	6			84	ANTOAN	Vietnamese
19	THAI KHAC DOAN	AMD	39-40	2	10			65	XAYLAP	Vietnamese
20	THAI VAN TOAN	AMD	41-42	2	10			68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	47-48	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VIET THANG	AMD	49	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	12	907	9	60	1	20	2		
2	AMD	10	717	14	95	4	60	20		
TOTAL		22	1.624	23	155	5	80	22		
WEIGHT KG			1.624		155		80			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD3 - P5	CREW: DUONG - N.ANH - MQUAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1677	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHAU DINH TU	TD3	71-72	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DOAN ĐỨC	TD3	70	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
3	RAKHIMOV A.R.	TD3	77	1	6			102	D-HANH	Russian
4	BUI ANH SON	TD3	75	1	3			61	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN THO	TD3	76	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN QUAN	TD3	73	1	4	1	4	64	PSV	Vietnamese
7	TRAN DINH LAM MINH	TD3	78	1	4			66	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LOAN	TD3	74	1	5			47	PSV	Vietnamese
9	LE MINH HUY	TD3	69	1	4			76	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG VIET	P5	43	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM MINH TOAN	P5	44	1	6			57	YTE	Vietnamese
12	TONG XUAN SINH	P5	47	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	P5	46	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM NGOC SON	P5	41	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TIEN HIỆP	P5	42	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DINH TU	P5	45	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NGOC	P5	38	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC LAI	P5	40	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VIỆT LONG	P5	48	1	12			123	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOAN ANH PHƯƠNG	P5	36	1	5			68	PSV	Vietnamese
21	DINH VAN LUU	P5	39	1	5			53	PSV	Vietnamese
22	ĐAO XUAN THANH	P5	37	1	4			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	9	648	10	54	1	4	6 + 1	CHUYEN 1 PAX TD3-P5	
2	P5	13	950	13	86	0	0	16		
TOTAL		22	1.598	23	140	1	4	22		
WEIGHT KG			1.598		140		4			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

BUI HOANG DUONG

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P4 - P7 - P8	CREW: XHOÀN - SON - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1679	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ NGỌC THĂNG	P4	45	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	50	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI TIẾN THANH	P4	44	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG KHẮC DŨ	P4	47-48	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN CŨ	P4						58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HẢI	P4	43	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG THẾ ANH	P4						71	KH-THAC	Vietnamese
8	LÂM XUÂN HẢI	P4	49	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUNG BAY	P4	42	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HẢI	P4	46	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	P4	40-41	2	5			77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM LÊ DƯƠNG	P4						83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4						66	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ QUANG TRUNG	P7	31	1	9	1	13	52	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LONG	P7	33	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
16	LŨU QUANG ĐẠT	P7	21	1	12			74	CODIEN	Vietnamese
17	PHUNG BÀ ĐỆ	P7	22-23	2	9			72	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI PHƯỚC	P7	29-30	2	16			71	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	P7	24-25	2	17			66	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P7	27-28	2	16			62	T-TIN	Vietnamese
21	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7						67	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN QUYÊN	P7	26	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	13	946	11	59	0	0	9+2		CHUYEN 2 PAX P4-P8
2	P7	9	592	12	94	1	13	10		
3	P8	2+0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.538	23	153	1	13	22		
WEIGHT KG			1.538		153		13			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406 410	ETD: 10:00
B.CARD: CAM - 2	TO: P1 - TD2 - P4	CREW: QVIỆT - XTRƯỜNG - DTÙNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1681	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	01	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH HIẾU	P1	06	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN HẢO	P1	03	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	P1	07	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN CHAU NAM	P1	08	1	15			87	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TRƯỜNG GIANG	P1	04-05	2	10			78	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LUẬN	P1	02	1	13			65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HUY	TD2	17	1	14			79	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HOANG PHỤNG	P4	18	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
10	HA XUÂN QUY	P4	10	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	11	1	2			76	PSV	Vietnamese
12	LÊ CÔNG MINH	P4	17	1	7			111	PSV	Vietnamese
13	SOSNIN D	P4	14	1	8			92	VTB	Russian
14	NGUYEN CONG LAM	P4	15-16	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUBOCHKIN A. A.	P4	12-13	2	13			82	KH-THAC	Russian
16	PHAM NGOC HUNG	P4	08-09	2	12			73	D-HANH	Vietnamese
17	HOANG THANH VINH	P4	07	1	9	7	92	70	D-HANH	Vietnamese
18	PHAM HOAI NAM	P4	06	1	6			83	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HOAN	P4	04-05	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	7	532	8	58	0	0	6		
2	TD2	1	79	1	14	0	0	3		
3	P4	11	864	15	100	7	92	13		
TOTAL		19	1.475	24	172	7	92	22		
WEIGHT KG			1.475		172		92			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỆU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
HÀ XUÂN TRƯỜNG